

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 5- VĨNH LONG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 223/2026/QĐST- HNGĐ

V, ngày 23 tháng 4 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5- VĨNH LONG

Căn cứ Điều 366, 367, 370, 396, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 303/2026/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc “ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Hồ Huế A, sinh ngày 17/6/1995; CCCD số 083 195 013 640, do Cục Q về trật tự xã hội cấp ngày 29/5/2021.

Nơi cư trú: số B, khu phố I, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

- Ông Nguyễn Thanh H, sinh ngày 03/8/1995; CCCD số 083 095 011 807, do do Cục Q về trật tự xã hội cấp ngày 14/3/2022.

Nơi cư trú: Số D B, khu phố C, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Hồ Huế A tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2005 và có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND phường P, tỉnh Vĩnh Long.

Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống và thường hay cãi vã, không có ai quan tâm đến ai.

Nay ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Hồ Huế A đã xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Hồ Huế A yêu cầu Tòa án giải quyết ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Hồ Huế A được công nhận thuận tình ly hôn là có căn cứ được Tòa án chấp nhận.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Hồ H1 Anh có 01 người con chung tên Nguyễn Hồ Uyên A1, sinh ngày

09/11/2024. Hai bên tự nguyện thoả thuận giao con chung Nguyễn Hồ Uyên A1 cho bà Nguyễn Hồ Huế A trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự nguyện thoả thuận mức cấp dưỡng như sau: Ông Nguyễn Thanh H đồng ý cấp dưỡng cho bà Nguyễn Hồ Huế A nuôi con chung theo định kỳ từng lần như sau:

- Kể từ ngày Quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật và bắt đầu thực hiện từ ngày 01/5/2026 cho đến ngày 31/12/2033, mỗi tháng là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

- Từ tháng 01 năm 2034 đến 31/12/2034, mỗi tháng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Từ tháng 01 năm 2035 đến 31/12/2035, mỗi tháng là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

- Từ tháng 01 năm 2036 đến 31/12/2036, mỗi tháng là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

- Từ tháng 01 năm 2037 đến 31/12/2037, mỗi tháng là 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng).

- Từ tháng 01 năm 2038 đến 31/12/2038, mỗi tháng là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng).

- Từ tháng 01 năm 2039 đến 31/12/2039, mỗi tháng là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Từ tháng 01 năm 2040 đến 31/12/2040, mỗi tháng là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng).

- Từ tháng 01 năm 2041 đến 31/12/2041, mỗi tháng là 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng).

- Từ tháng 01 năm 2042 đến 31/12/2042, mỗi tháng là 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng).

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Nợ chung: Không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Hồ Huế A.

- *Về con chung:* ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Hồ H1 Anh có 01 người con chung tên Nguyễn Hồ Uyên A1, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2024 và hai bên thoả thuận giao Nguyễn Hồ Uyên A1 cho bà Nguyễn Hồ Huế A trực tiếp nuôi dưỡng.

- *Về mức cấp dưỡng nuôi con:* Ông Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà Nguyễn Hồ Huế A nuôi con chung theo định kỳ từng lần như sau:

- + Kể từ ngày Quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật và bắt đầu thực hiện từ ngày 01/5/2026 cho đến ngày 31/12/2033, mỗi tháng là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

- + Từ tháng 01 năm 2034 đến 31/12/2034, mỗi tháng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).
- + Từ tháng 01 năm 2035 đến 31/12/2035, mỗi tháng là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).
- + Từ tháng 01 năm 2036 đến 31/12/2036, mỗi tháng là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).
- + Từ tháng 01 năm 2037 đến 31/12/2037, mỗi tháng là 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng).
- + Từ tháng 01 năm 2038 đến 31/12/2038, mỗi tháng là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng).
- + Từ tháng 01 năm 2039 đến 31/12/2039, mỗi tháng là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
- + Từ tháng 01 năm 2040 đến 31/12/2040, mỗi tháng là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng).
- + Từ tháng 01 năm 2041 đến 31/12/2041, mỗi tháng là 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng).
- + Từ tháng 01 năm 2042 đến 31/12/2042, mỗi tháng là 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng).

- *Về tài sản chung*: Không có.

- *Về nợ chung*: Không có.

- *Về các vấn đề khác*: Không có.

2. Về lệ phí Toà án: Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Hồ Huế A mỗi người phải chịu số tiền 150.000 đồng (một trăm năm chục nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà ông, bà đã nộp theo biên lai số 0005956 ngày 02/04/2026 của Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Vậy ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Hồ Huế A đã nộp đủ lệ phí việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND KV5- Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND phường Phú Khương,
tỉnh Vĩnh Long
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Võ Thị Loan